TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊNHUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 60/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023; Về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Minh L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ L đều trình bày:

Chị và anh Huỳnh Minh L quen biết nhau tự nguyện, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 tháng đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L tính tình nóng nảy, không kiểm soát được bản thân, thường xuyên có hành vi bạo lực với chị, mặt khác còn xúc phạm gia đình vợ, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L khai chị và anh L có 02 con chung là Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 11/11/2017 và Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 20/02/2021. Hiện cháu Đ đang ở với anh Long còn cháu C đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu C và Đ và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2023, bị đơn anh Huỳnh Minh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì như chị L đã trình bày, còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ 08 tháng nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị L xin ly hôn thì anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị Linh đã khai. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Huỳnh Lê Minh Đ và giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo C cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Huỳnh Minh L có đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên sau đó anh L tự ý bỏ về không chịu ký vào biên bản.Tại phiên toà, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản lấy khai ngày 11/4/2023, bà Nguyễn Thị Thúy T (mẹ của chị L) trình bày: Qúa trình vợ chồng chị L và anh L chung sống với nhau không có hạnh phúc do anh Long tính tình gia trưởng, hay đánh đập chị L. Mỗi lần chị L xin về nhà ngoại đều không cho và tìm cách gây gổ. Vợ chồng sống ly thân từ gần 01 năm nay. Nay chị L xin ly hôn anh L thì đề nghị Toà án giải quyết cho chị L được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy khai ngày 12/5/2023, bà Văn Thị H (mẹ của chị L) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L chị L chỉ chung sống với bà được khoảng 01 tháng, sau đó ra ở riêng nên bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên vợ chồng L L cũng hay xích mích, gây gổ nhau. Mỗi lần như vậy, L lại đem con về nhà mẹ đẻ sinh sống, tình trạng này thường xuyên xảy ra nên vợ chồng L L đã sống ly thân 01 năm nay. Bà mong muốn vợ chồng anh L chị L đoàn tụ nhưng nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Huỳnh Minh L, xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo C và giao cháu Huỳnh Lê Minh Đ cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chưa thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn anh Huỳnh Minh L.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 20/02/2021 cho chị Lê Thị Mỹ L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi; Giao cháu Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 11/11/2017 cho anh Huỳnh Minh L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi .

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Huỳnh Minh L. Anh Long có nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết

vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Long.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa, về việc yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo C cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Lê Minh Đ cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Minh L và chị Lê Thị Mỹ L có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Huế vào ngày 14/3/2017 (số 32, năm 2017). Như vậy, hôn nhân giữa anh L và chị L là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của chị L thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh L tính tình nóng nảy, không kiểm soát được bản thân, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay là phù hợp với xác minh tại chính quyền địa phương xã Phú M, thành phố Huế xác nhận "vợ chồng anh Long và chị Linh quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân nhau". Theo trình bày của anh L thì mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật và anh cũng đồng ý ly hôn với chị L. Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh Long và chị L không tồn tại.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, nhưng anh L tự ý bỏ về khi Tòa án đang tiến hành hòa giải và không tham gia xét xử tại phiên tòa, là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để đoàn tụ gia đình, nên mục đích hôn nhân là không thể đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa anh L và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị L, cho chị L được ly hôn anh L.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 11/11/2017 và Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 20/02/2021. Hiện cháu Đ đang ở với anh L còn cháu C đang ở với chị L.

Xét yêu cầu của chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu C và giao cháu Đ cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh L, không làm xáo trộn, thay đổi việc các cháu hiện nay đang trực tiếp chung sống với anh L, chị L. Do đó, cần giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo C cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, giao cháu Huỳnh Lê

Minh Đ cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị L và anh L không có yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L, anh L chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ L đối với anh Huỳnh Minh L về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn anh Huỳnh Minh L.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 20/02/2021 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi; Giao cháu Huỳnh Lê Minh Đ, sinh ngày 11/11/2017 cho anh Huỳnh Minh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005505 ngày 05/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường P, TP Huế, tỉnh TTHuế.*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế